

Số: /2021/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO LẦN 2

THÔNG TƯ

Quy định về hoạt động trạm thu phí đường bộ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 16 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử tự động không dừng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về hoạt động trạm thu phí đường bộ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động trạm thu phí đường bộ trên mạng lưới đường bộ ở Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trạm thu phí đường bộ trên mạng lưới đường bộ ở Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trạm thu phí đường bộ (sau đây gọi tắt là trạm thu phí) là nơi thực hiện việc thu tiền sử dụng đường bộ đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

2. Đơn vị quản lý thu phí sử dụng đường bộ (sau đây gọi tắt là đơn vị quản lý thu phí) là tổ chức được cơ quan có thẩm quyền chuyển giao quyền thu hoặc cho phép thu phí sử dụng đường bộ.

3. Đơn vị vận hành thu phí sử dụng đường bộ (sau đây gọi tắt là đơn vị vận hành thu phí) là tổ chức được đơn vị quản lý thu phí sử dụng đường bộ giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng dịch vụ để thực hiện công việc thu phí sử dụng đường bộ tại trạm thu phí; hoặc là đơn vị quản lý thu phí trong trường hợp đơn vị quản lý thu phí tự thực hiện.

4. Nhà cung cấp dịch vụ thu phí sử dụng đường bộ (sau đây gọi tắt là nhà cung cấp dịch vụ thu phí) là đơn vị được quy định tại khoản 7 Điều 3 Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu phí sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử tự động không dừng (sau đây gọi tắt là Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg) và được đơn vị quản lý thu phí sử dụng đường bộ ký hợp đồng dịch vụ để cung cấp dịch vụ thu phí điện tử không dừng.

5. Đơn vị vận hành hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí sử dụng đường bộ (sau đây gọi là đơn vị vận hành hệ thống giám sát thu phí) là đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền việc quản lý, vận hành hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí sử dụng đường bộ.

6. Hạ tầng trạm thu phí bao gồm: nhà điều hành; giá long môn và công trạm thu phí (nếu có); mặt đường và hệ thống điện chiếu sáng trong phạm vi trạm thu phí; đảo phân làn (nếu có); các trang bị an toàn và hệ thống an toàn giao thông tại trạm thu phí.

7. Hệ thống phần mềm, thiết bị lắp đặt tại trạm thu phí, trực tiếp tương tác với phương tiện giao thông đi qua trạm (sau đây được gọi là hệ thống Front-End) bao gồm các thiết bị điện tử như đầu đọc thẻ, ăng ten, ca-me-ra nhận dạng biển số, thiết bị nhận diện xe vào trạm, ba-ri-e tốc độ cao và các hệ thống phần cứng, phần mềm, thiết bị tự động hóa khác. Hệ thống Front-End kết nối với hệ thống Back-End để gửi thông tin giao dịch và thu nhận thông tin của phương tiện, thẻ đầu cuối

8. Hệ thống điều hành trung tâm (sau đây được gọi là hệ thống Back-End) bao gồm các phân hệ, hệ thống phần cứng, phần mềm đặt tại Trung tâm dữ liệu, phục vụ các yêu cầu kinh doanh và vận hành thiết yếu nhất của hệ thống thu phí tự động không dừng. Hệ thống Back-End thực hiện thu nhận các giao dịch gửi về từ trạm thu phí (Front-End) và xử lý các giao dịch này. Hệ thống Back-End có nhiều thành phần thực hiện các chức năng quản lý tài khoản, khách hàng (chủ

phương tiện), thẻ đầu cuối, phương tiện giao thông đăng ký sử dụng thẻ đầu cuối, thanh toán bù trừ, báo cáo đối soát, kết nối với ngân hàng và các nghiệp vụ quản lý, điều hành khác.

9. Hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí sử dụng đường bộ (sau đây gọi là hệ thống giám sát thu phí) là hệ thống phần mềm và hạ tầng công nghệ thông tin có chức năng để quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu lưu lượng và doanh thu xe qua trạm thu phí.

Điều 4. Tiêu chí và nguyên tắc hoạt động trạm thu phí đường bộ

1. Tiêu chí thành lập trạm thu phí:

a) Phải đặt trong phạm vi của dự án.

b) Phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư hoặc trong Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

c) Thực hiện hình thức thu phí điện tử không dừng và sử dụng công nghệ thu phí sử dụng đường bộ tiên tiến, hiện đại; trường hợp áp dụng hình thức khác phải được cấp có thẩm quyền cho phép.

d) Phải đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án.

đ) Công khai vị trí trạm thu phí.

2. Hoạt động trạm thu phí đường bộ phải được công khai, minh bạch; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin cá nhân của người sử dụng, chỉ cung cấp thông tin khi có sự đồng ý của người sử dụng hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương II

HOẠT ĐỘNG TRẠM THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Đầu tư xây dựng trạm thu phí và hệ thống Back-End

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới:

a) Trường hợp dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, hạ tầng trạm thu phí, hệ thống Front-End là hạng mục của dự án đầu tư xây dựng, được thực hiện, hoàn thành trước khi Dự án đưa vào vận hành khai thác

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng theo hình thức khác điểm a khoản này, trường hợp được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương thu phí sử dụng đường bộ, hạ tầng trạm thu phí thực hiện trong dự án, hoàn thành trước khi đưa vào vận hành khai thác. Đơn vị quản lý thu phí căn cứ phương thức quản lý khai thác dự

án, đề xuất hình thức đầu tư và nguồn kinh phí đầu tư hệ thống Front-End trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Đối với dự án đã đưa vào vận hành khai thác:

a) Đơn vị quản lý thu phí đầu tư xây dựng hạ tầng trạm thu phí bằng nguồn kinh phí phù hợp hình thức đầu tư của dự án theo quy định.

b) Đơn vị quản lý thu phí đề xuất hình thức đầu tư và nguồn kinh phí đầu tư hệ thống Front-End trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Các hình thức đầu tư hệ thống Front-End

a) Hệ thống Front-End là một hạng mục của dự án và được đầu tư cùng với dự án bằng nguồn kinh phí của dự án.

b) Đơn vị quản lý thu phí tổ chức đấu thầu, lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ thu phí và giao cho Nhà cung cấp dịch vụ thu phí đầu tư hệ thống Front-End. Chi phí đầu tư, được Nhà cung cấp dịch vụ thu phí đầu tư thu hồi thông qua nguồn chi phí lấy từ chi phí vận hành thu phí và chi phí bảo trì, vận hành dự án trong giai đoạn vận hành, khai thác hoặc chi phí dịch vụ thu phí điện tử không dừng.

4. Hệ thống Back-End do Nhà cung cấp dịch vụ thu phí đầu tư, vận hành khai thác. Chi phí đầu tư hệ thống Back-End được Nhà cung cấp dịch vụ thu phí thu hồi thông qua chi phí dịch vụ thu phí điện tử không dừng.

Điều 6. Vận hành và bảo trì trạm thu phí và hệ thống Back-End

1. Đơn vị vận hành thu phí thực hiện công tác vận hành và bảo trì hạ tầng trạm thu phí và hệ thống Front-End. Chi phí vận hành và bảo trì được lấy từ chi phí vận hành thu phí và chi phí bảo trì, vận hành dự án trong giai đoạn vận hành, khai thác hoặc chi phí dịch vụ thu phí điện tử không dừng.

2. Nhà cung cấp dịch vụ thu phí thực hiện công tác vận hành và bảo trì hệ thống Back-End. Chi phí vận hành, bảo trì được lấy từ chi phí dịch vụ thu phí điện tử không dừng.

Điều 7. Hình thức và phương thức thu phí sử dụng đường bộ

1. Thu phí sử dụng đường bộ được thực hiện theo hình thức điện tử không dừng và hình thức một dừng.

a) Hình thức điện tử không dừng là hình thức thu phí sử dụng đường bộ tự động, phương tiện tham gia giao thông đường bộ không cần phải dừng lại để trả tiền sử dụng đường bộ khi tới trạm thu phí.

b) Hình thức một dừng là hình thức thu phí thu phí sử dụng đường bộ mà khi qua trạm thu phí, phương tiện giao thông đường bộ chỉ phải thực hiện một lần dừng khi qua cửa kiểm soát làn thu phí để trả tiền dịch vụ sử dụng đường bộ.

2. Tổ chức làn thu phí hỗn hợp (làn thu phí áp dụng cả hình thức điện tử không dừng và hình thức một dừng) tại trạm thu phí theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg.

3. Thu phí sử dụng đường bộ được thực hiện theo phương thức mở và phương thức kín.

a) Phương thức mở là phương thức thu phí mà chủ phương tiện phải trả một mức tiền tại trạm thu phí không phụ thuộc vào chiều dài quãng đường phương tiện đã đi được trên đoạn đường thu phí mà chỉ phụ thuộc vào kiểu loại phương tiện.

b) Phương thức kín là phương thức thu phí mà chủ phương tiện phải trả một mức tiền tại trạm thu phí dựa vào chiều dài quãng đường phương tiện đã đi được trên đoạn đường thu phí và kiểu loại phương tiện.

Điều 8. Quản lý, giám sát hoạt động thu phí sử dụng đường bộ

1. Đơn vị quản lý thu phí, đơn vị vận hành thu phí và nhà cung cấp dịch vụ thu phí phải có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của trạm thu phí để bảo đảm hoạt động thu đúng quy định. Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan chức năng về các vấn đề liên quan đến công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, điều tra, xử lý các vấn đề liên quan an ninh, an toàn giao thông trong quá trình khai thác.

2. Cơ quan có thẩm quyền quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động thu phí sử dụng đường bộ bằng hệ thống giám sát thu phí hoặc các phương pháp nghiệp vụ khác và xử lý vi phạm hoạt động của trạm thu phí theo quy định của pháp luật, theo quy định của hợp đồng. Thực hiện công khai kết quả kiểm tra, công khai nội dung trả lời kiến nghị của tổ chức, cá nhân về hoạt động của trạm thu phí trên cổng thông tin điện tử của đơn vị mình.

3. Hệ thống giám sát thu phí có vai trò, chức năng cung cấp thông tin phục vụ việc giám sát hoạt động thu phí tại trạm thu phí được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm ban hành Quy chế quản lý, khai thác, vận hành Hệ thống giám sát thu phí bao gồm: quy trình đối soát, xử lý giao dịch nghi vấn; quy định về cung cấp, kết nối, đồng bộ dữ liệu thu phí; quy định về quản lý, vận hành, khai thác hệ thống; trách nhiệm của các bên liên quan.

Điều 9. Quy định về thời gian làm việc, trang phục phù hiệu

1. Người lao động làm việc tại trạm thu phí phải mặc đồng phục trong khi thực hiện nhiệm vụ. Mẫu đồng phục của người lao động tại trạm thu phí do đơn vị vận hành thu phí quyết định nhưng phải đảm bảo có phù hiệu, biểu trưng của đơn vị vận hành thu phí, biển tên, chức danh được bố trí ở vị trí dễ nhận biết.

2. Trạm thu phí hoạt động 24/24 giờ vào tất cả các ngày trong năm, kể cả ngày nghỉ và ngày lễ (trừ những trường hợp dừng thu, tạm dừng thu khi có văn bản của cấp có thẩm quyền).

3. Khi trạm thu phí phải ngừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng, đơn vị vận hành thu phí phải có biện pháp bảo đảm không xảy ra ùn tắc giao thông tại khu vực trạm thu phí; đồng thời, phải báo cáo ngay cho đơn vị quản lý thu phí và cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp khắc phục, đưa trạm thu phí vào hoạt động trong thời gian sớm nhất.

Điều 10. Trách nhiệm của chủ phương tiện giao thông đường bộ

1. Thực hiện trách nhiệm của chủ phương tiện giao thông đường bộ được quy định tại Điều 22 Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg.

2. Trả tiền sử dụng đường bộ theo quy định, chấp hành các quy định của cơ quan có thẩm quyền và đơn vị quản lý thu phí trong trường hợp làm mất vé, thẻ khi tham gia giao thông đường bộ.

3. Chủ phương tiện giao thông đường bộ sử dụng vé tháng, vé quý phải dán thẻ đầu cuối và thực hiện theo hình thức thu phí điện tử không dừng.

4. Chỉ được sử dụng duy nhất 01 thẻ đầu cuối cho 01 phương tiện tham gia giao thông đường bộ. Trường hợp thẻ đầu cuối bị dự hỏng, sự cố làm ảnh hưởng đến thiết bị của nhà cung cấp dịch vụ thu phí hoặc tài khoản thu phí của chủ phương tiện tham gia giao thông đường bộ; hoặc muốn đổi nhà cung cấp dịch vụ thu phí chủ phương tiện tham gia giao thông đường bộ liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ thu phí để xử lý.

Điều 11. Trách nhiệm của đơn vị Quản lý thu phí

1. Xây dựng và phê duyệt quy trình thu phí sử dụng đường bộ phù hợp với hình thức thu phí sử dụng đường bộ tại trạm thu phí và quy định nội bộ về kiểm tra, xử lý vi phạm, xử lý sự cố trong quá trình thực hiện thu phí sử dụng đường bộ. Trước khi phê duyệt phải được chấp thuận hoặc thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thông báo công khai liên tục trước 05 ngày và niêm yết công khai tại trạm thu phí khi bắt đầu tổ chức thu về thời điểm bắt đầu được thu phí sử dụng đường bộ, địa điểm trạm thu phí, công nghệ thu, hình thức thu, đối tượng thu, mức thu và đối tượng được miễn, giảm tiền dịch vụ sử dụng đường bộ. Trong trường hợp có thay đổi về mức thu, công nghệ thu, hình thức thu, đối tượng thu, đơn vị thu phải thông báo công khai và niêm yết tương tự như khi bắt đầu tổ chức thu trước 30 ngày. Hình thức thông báo công khai bao gồm đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương và Trung ương; đồng thời, gửi thông báo đến Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam.

Đối với dự án được đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trong suốt quá trình thu, đơn vị quản lý thu phí (hoặc ủy quyền cho đơn vị vận hành thu phí) phải công khai các thông tin trên biển báo điện tử (biển VMS) được gắn tại khu vực nhà điều hành trạm thu phí, bao gồm: tên dự án, giá trị công trình dự án (trong trường hợp dự án chưa được quyết toán thì công bố theo tổng mức đầu tư), tổng thời gian được thu phí sử dụng đường bộ, thời điểm bắt đầu thu, thời gian thu còn lại, doanh thu tháng trước của trạm thu phí (số liệu doanh thu cập nhật chậm nhất vào ngày 10 của tháng tiếp theo), số điện thoại để tiếp nhận thông tin phản ánh.

3. Báo cáo thống kê, kế toán, hạch toán, quyết toán doanh thu, kê khai và nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật.

4. Quản lý tài sản được giao quản lý, tài sản nhận bàn giao từ nhà nước, tài sản trạm thu phí hình thành trong quá trình đầu tư theo đúng quy định hiện hành và hợp đồng đã ký với cơ quan có thẩm quyền.

5. Nộp phí sử dụng tài sản nhà nước hoặc tiền thuê quyền khai thác tài sản hạ tầng đường bộ (nếu có) theo quy định của pháp luật.

6. Bàn giao lại tài sản trạm thu phí cho cơ quan có thẩm quyền hoặc đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định khi kết thúc hợp đồng. Tài sản bàn giao phải trong trạng thái hoạt động bình thường theo quy định của hợp đồng.

7. Chấp hành quyết định tạm dừng thu, dừng thu, trừ thời gian thu của cơ quan có thẩm quyền hoặc của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu phí sử dụng đường bộ.

8. Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan chức năng về các vấn đề liên quan đến công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, điều tra, xử lý các vấn đề liên quan an ninh, an toàn giao thông trong quá trình khai thác.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị vận hành thu phí

1. Phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương nơi đặt trạm thu phí để giữ gìn an ninh, trật tự trong quá trình thu phí sử dụng đường bộ, đảm bảo an toàn giao thông, tránh ùn tắc giao thông, bảo đảm không xảy ra các hiện tượng tiêu cực, cản trở, gây phiền hà trong hoạt động thu phí sử dụng đường bộ; xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong quá trình thu phí sử dụng đường bộ.

2. Quản lý lao động, giải quyết chế độ cho người lao động làm việc tại trạm thu phí theo quy định của pháp luật.

3. Định kỳ sao lưu dữ liệu thu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại khoản 5 Điều 17 để phục vụ công tác giám sát, hậu kiểm.

4. Chấp hành việc cơ quan có thẩm quyền lắp đặt thiết bị, phần mềm quản lý, giám sát dữ liệu thu và kết nối trực tuyến, ổn định và liên tục với hệ thống giám sát thu phí của cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các quy định tại Điều 8 Thông tư này.

5. Trong trường hợp hệ thống thiết bị công nghệ phục vụ công tác thu phí bị trục trặc, hư hỏng, đơn vị vận hành thu phí phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền hoặc báo cáo đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu phí sử dụng đường bộ; đồng thời, khẩn trương khắc phục các sự cố của hệ thống. Thời gian khắc phục sự cố không quá 48 giờ, kể từ thời điểm hệ thống bị trục trặc, hư hỏng. Trong thời gian khắc phục sự cố, đơn vị vận hành thu phí phải thông báo công khai tại trạm và trên phương tiện truyền thông, thông tin đại chúng; có biện pháp đảm bảo thu nhanh gọn, an toàn, tránh ùn tắc giao thông và có biện pháp giám sát chống thất thoát doanh thu dịch vụ sử dụng đường bộ.

6. Đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực trạm thu phí; đảm bảo tuân thủ phương án tổ chức giao thông trên tuyến đường đặt trạm thu phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chấp hành quyết định tạm dừng thu, dừng thu của cơ quan có thẩm quyền hoặc của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu phí sử dụng đường bộ.

8. Không để xảy ra các hành vi sau:

a) Gian lận tiền thu phí sử dụng đường bộ hoặc thông đồng gian lận trong hoạt động thu phí sử dụng đường bộ.

b) Can thiệp vào hệ thống công nghệ thu, hệ thống giám sát, quản lý thu, hệ thống thiết bị kiểm tra tải trọng phương tiện và tiêu cực trong lĩnh vực giám sát tải trọng phương tiện; báo cáo sai doanh thu nhằm gian lận doanh thu dịch vụ sử dụng đường bộ.

c) Tổ chức bán vé, soát vé không kịp thời, sách nhiễu đối với người mua vé; không bán đầy đủ hoặc hạn chế, giới hạn thời gian bán các loại vé tháng, vé quý theo quy định; gây cản trở, ùn tắc giao thông đường bộ tại khu vực trạm thu phí; thu phí sử dụng đường bộ không đúng quy định.

d) Nhận tiền mặt của người sử dụng phương tiện giao thông đường bộ mà không giao vé hoặc giao vé không đúng chủng loại phương tiện lưu thông qua trạm thu phí; để phương tiện giao thông đường bộ (đối tượng phải mua vé) không có vé đi qua trạm thu phí.

đ) Không thực hiện việc bảo trì tài sản của trạm thu phí; tự ý tháo dỡ, thanh lý, nhượng bán tài sản của trạm thu phí; không thực hiện việc hiệu chuẩn, kiểm

định đối với nhóm thiết bị cần phải thực hiện công tác hiệu chuẩn, kiểm định theo quy định.

e) Sử dụng công nghệ hoặc các phương thức khác để truyền dữ liệu lên hệ thống giám sát thu phí không đúng thực tế hoặc can thiệp vào phần mềm giám sát thu phí dẫn đến sai khác lưu lượng, doanh thu tại trạm thu phí.

9. Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đơn vị quản lý thu phí trong trường hợp tạm dừng thu, dừng thu, trừ thời gian thu do lỗi của đơn vị vận hành thu phí.

Điều 13. Trách nhiệm của Nhà cung cấp dịch vụ thu phí

1. Thực hiện trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ thu phí được quy định tại Điều 26 Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg, trừ trường hợp có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền.

2. Định kỳ sao lưu dữ liệu thu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại khoản 5 Điều 17 để phục vụ công tác giám sát, hậu kiểm.

3. Đảm bảo chỉ số đánh giá hiệu năng vận hành (KPI) hệ thống kết nối liên thông và phối hợp giữa hai Nhà cung cấp dịch vụ thu phí theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đảm bảo chỉ số đánh giá hiệu năng vận hành (KPI) hệ thống thu phí điện tử không dừng tại các trạm thu phí phải đạt yêu cầu tối thiểu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Chấp hành quyết định tạm dừng thu, dừng thu của cơ quan có thẩm quyền hoặc của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu phí sử dụng đường bộ.

6. Phối hợp với đơn vị vận hành hệ thống giám sát thu phí thực hiện đối soát dữ liệu thu phí hàng ngày trên hệ thống giám sát thu phí.

7. Không để xảy ra các hành vi sau:

a) Gian lận tiền thu phí sử dụng đường bộ hoặc thông đồng gian lận trong hoạt động thu phí sử dụng đường bộ;

b) Can thiệp vào hệ thống công nghệ thu, hệ thống giám sát, quản lý thu, hệ thống thiết bị kiểm tra tải trọng phương tiện và tiêu cực trong lĩnh vực giám sát tải trọng phương tiện; báo cáo sai doanh thu nhằm gian lận doanh thu sử dụng đường bộ;

c) Sử dụng sai mục đích tiền trong tài khoản thu phí sử dụng đường bộ.

8. Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đơn vị quản lý thu phí trong trường hợp tạm dừng thu, dừng thu, trừ thời gian thu do lỗi của nhà cung cấp dịch vụ thu phí.

Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị vận hành hệ thống giám sát thu phí

1. Bố trí đầy đủ cán bộ vận hành, bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục hệ thống giám sát thu phí.

2. Phối hợp với đơn vị quản lý thu phí, đơn vị vận hành thu phí, nhà cung cấp dịch vụ thu phí thực hiện đối soát dữ liệu thu phí hàng ngày trên hệ thống giám sát thu phí.

3. Thống nhất với đơn vị quản lý thu phí, đơn vị vận hành thu phí, nhà cung cấp dịch vụ thu phí cung cấp báo cáo theo điểm a, khoản 1, điều 16 Thông tư này hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thông qua hệ thống giám sát thu phí.

4. Tiếp nhận, báo cáo cấp có thẩm quyền các khiếu nại của đơn vị quản lý thu phí, đơn vị vận hành thu phí, nhà cung cấp dịch vụ thu phí trong quá trình thực hiện.

5. Thông báo các hành vi gian lận, vi phạm pháp luật của chủ phương tiện giao thông đường bộ cho đơn vị quản lý thu phí và các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống giám sát thu phí bảo đảm vận hành ổn định, liên tục.

7. Bảo đảm bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu thu phí theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quản lý Nhà nước

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về trạm thu phí và hoạt động thu phí trên hệ thống quốc lộ, đường cao tốc thuộc hệ thống đường Trung ương quản lý. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra việc hoạt động của hệ thống thu phí điện tử không dừng và trạm thu phí trên hệ thống đường bộ theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

2. Cơ quan có thẩm quyền của địa phương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về trạm thu phí và hoạt động thu phí trên hệ thống đường địa phương; trên quốc lộ, đường cao tốc mà cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra việc hoạt động của hệ thống thu phí điện tử không dừng và trạm thu phí trên hệ thống đường bộ theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Đơn vị quản lý thu phí sử dụng đường bộ có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu. Kỳ hạn và thời gian nộp báo cáo định kỳ được quy định cụ thể như sau:

a) Báo cáo doanh thu dịch vụ sử dụng đường bộ và lưu lượng phương tiện tham gia giao thông qua trạm thu phí: báo cáo định kỳ hàng tháng trước ngày 10 của tháng tiếp theo; báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 10 của tháng 7 hàng năm; báo cáo năm trước ngày 28 tháng 02 của năm tiếp theo. Mẫu biểu báo cáo quy định tại Mẫu số 1 đến Mẫu số 7 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Báo cáo việc quản lý, sử dụng tài sản: báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 10 tháng 7 hàng năm; báo cáo năm trước ngày 10 tháng 01 năm kế tiếp. Mẫu biểu báo cáo quy định tại Mẫu số 8 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị quản lý thu phí sử dụng đường bộ chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo. Riêng báo cáo cả năm về doanh thu dịch vụ sử dụng đường bộ phải có kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc xác nhận của cơ quan thuế.

Chương III

SỬ DỤNG, QUẢN LÝ, KẾT NỐI DỮ LIỆU THU PHÍ

Điều 17. Dữ liệu thu phí

1. Dữ liệu thu phí bao gồm dữ liệu thông tin chủ phương tiện của hệ thống thu phí điện tử không dừng và dữ liệu về lịch sử giao dịch thu phí.

2. Dữ liệu thông tin chủ phương tiện của hệ thống thu phí điện tử không dừng bao gồm các thông tin sau:

a) Thông tin liên hệ của chủ phương tiện: Số chứng minh nhân dân, hoặc số thẻ căn cước công dân, hoặc số hộ chiếu; mã số doanh nghiệp, địa chỉ nơi cư trú hoặc địa chỉ trụ sở chính; số điện thoại liên lạc và địa chỉ hộp thư điện tử (nếu có) tiếp nhận chứng từ thu phí điện tử không dừng.

b) Mã số định danh của phương tiện giao thông đường bộ được nhận chi trả từ tài khoản thu phí.

c) Tải trọng phương tiện, số chỗ ngồi, loại xe, biển kiểm soát xe.

3. Dữ liệu về lịch sử giao dịch thu phí bao gồm:

a) Các tập tin dữ liệu thông tin giao dịch khi phương tiện giao thông qua trạm thu phí.

b) Các tập tin dữ liệu về lưu lượng, doanh thu thu phí, vé lượt, vé tháng, vé quý.

c) Các tập tin video giám sát làn, giám sát cabin (nếu có), giám sát toàn cảnh.

d) Các tập tin hình ảnh chụp phương tiện lưu thông qua trạm thu phí đường bộ bao gồm: hình ảnh chụp biển số đảm bảo đọc rõ biển số; hình ảnh chụp toàn cảnh phương tiện lưu thông phải đảm bảo nhận được loại phương tiện.

đ) Thông tin số tiền trong tài khoản thu phí và lịch sử giao dịch của tài khoản thu phí của hệ thống thu phí điện tử không dùng.

4. Dữ liệu thu phí phải tuân thủ theo các tiêu chuẩn thu phí hiện hành và các quy định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Chế độ lưu dữ liệu thu phí:

a) Lưu trữ tối thiểu 1 năm: Các tập tin video giám sát toàn cảnh, giám sát cabin (nếu có).

b) Lưu trữ tối thiểu 5 năm: Các tập tin video giám sát làn; các tập tin hình ảnh chụp phương tiện lưu thông qua trạm thu phí.

c) Lưu trữ vĩnh viễn: Dữ liệu thông tin chủ phương tiện của hệ thống thu phí điện tử không dùng; các tập tin dữ liệu thông tin giao dịch khi phương tiện giao thông qua trạm thu phí; các tập tin dữ liệu về lưu lượng, doanh thu thu phí, vé lượt, vé tháng, vé quý.

Điều 18. Trung tâm dữ liệu

Ngoài trung tâm dữ liệu được quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg, hệ thống thu phí điện tử không dùng phải bổ sung trung tâm dữ liệu dự phòng cho trung tâm dữ liệu. Trung tâm dữ liệu và trung tâm dữ liệu dự phòng của hệ thống thu phí điện tử không dùng được nhà cung cấp dịch vụ thu phí đặt (hoặc thuê đặt chỗ) tại trung tâm dữ liệu có mức đảm bảo kỹ thuật đạt mức 3 trở lên được quy định tại Phụ lục A tiêu chuẩn TCVN 9250:2012 Trung tâm dữ liệu - Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông; và phải tuân thủ theo các quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với Trung tâm dữ liệu.

Điều 19. Kết nối dữ liệu thu phí

1. Dữ liệu thu phí được kết nối theo quy định của các tiêu chuẩn thu phí hiện hành và yêu cầu kết nối Back-End giữa các nhà cung cấp dịch vụ thu phí.

2. Đối với dự án thực hiện phương thức thu phí kín, Đơn vị vận hành thu phí phải kết nối, đồng bộ dữ liệu về lịch sử giao dịch thu phí lên hệ thống Back-End của Nhà cung cấp dịch vụ thu phí ngay khi phương tiện đi qua trạm thu phí đầu vào.

3. Các nhà cung cấp dịch vụ thu phí phải đảm bảo cơ chế kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu trên nguyên tắc sẵn sàng, khả thi, thuận tiện, tránh trùng lặp và lãng phí khi thực hiện quản lý, vận hành thu phí. Chi phí kết nối dữ liệu thu phí giữa các Back-End do các nhà cung cấp dịch vụ thu phí thỏa thuận với nhau, phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Để phục vụ công tác quản lý nhà nước, các dữ liệu được nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 Thông tư này phải được kết nối về hệ thống giám sát thu phí của cơ quan có thẩm quyền.

5. Kết nối dữ liệu thu phí được thực hiện trên đường truyền riêng; không chia sẻ dịch vụ; đảm bảo tính dự phòng, tốc độ truyền dẫn; đáp ứng yêu cầu an ninh và bảo mật thông tin/dữ liệu theo các quy định được nêu trong mục 5.3.7 TCVN 10849:2015 Hệ thống thu phí điện tử.

Điều 20. Phân cấp quản lý, khai thác dữ liệu thu phí

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam quản lý, khai thác dữ liệu thu phí của các trạm thu phí đường bộ trên hệ thống giám sát thu phí của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; khai thác dữ liệu thu phí điện tử không dùng thông qua tài khoản đăng nhập và mật khẩu được cung cấp để truy cập vào cổng thông tin dành cho cơ quan quản lý nhà nước của hệ thống Back-end của nhà cung cấp dịch vụ thu phí.

2. Sở Giao thông vận tải quản lý, khai thác dữ liệu thu phí của các trạm thu phí đường bộ trên hệ thống giám sát thu phí của cơ quan có thẩm quyền; khai thác dữ liệu thu phí điện tử không dùng của các trạm thu phí đường bộ do địa phương quản lý thông qua tài khoản đăng nhập và mật khẩu được cung cấp để truy cập vào cổng thông tin dành cho cơ quan quản lý nhà nước của hệ thống Back-End của nhà cung cấp dịch vụ thu phí.

3. Nhà cung cấp dịch vụ thu phí quản lý dữ liệu thu phí điện tử không dùng trên hệ thống Back-End thuộc quyền sở hữu.

4. Đơn vị quản lý thu phí và đơn vị vận hành thu phí quản lý dữ liệu thu phí theo hình thức một dừng tại trạm thu phí thuộc phạm vi quản lý.

5. Đơn vị quản lý thu phí và đơn vị vận hành thu phí được khai thác dữ liệu thu phí điện tử không dùng của các trạm thu phí thuộc phạm vi quản lý thông qua tài khoản đăng nhập và mật khẩu được cung cấp để truy cập vào cổng thông tin của hệ thống Back-End của nhà cung cấp dịch vụ thu phí.

6. Chủ phương tiện được khai thác dữ liệu tài khoản thu phí của chủ phương tiện trên hệ thống thu phí điện tử không dùng thông qua tài khoản đăng nhập và mật khẩu được cung cấp để truy cập vào cổng thông tin khách hàng của hệ thống Back-End của nhà cung cấp dịch vụ thu phí.

Chương IV

QUẢN LÝ TIỀN THU

Điều 21. Mở và sử dụng tài khoản thu phí sử dụng đường bộ của chủ phương tiện

1. Nhà cung cấp dịch vụ thu phí mở tài khoản thu phí sử dụng đường bộ tại ngân hàng thương mại được phép hoạt động tại Việt Nam để tiếp nhận toàn bộ các khoản tiền mà các chủ phương tiện nộp vào tài khoản trả trước. Các điều khoản về sử dụng và quản lý tài khoản thu phí sử dụng đường bộ được thực hiện theo thỏa thuận giữa nhà cung cấp dịch vụ thu phí với ngân hàng dịch vụ phù hợp với pháp luật Ngân hàng và tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

2. Toàn bộ số tiền trong tài khoản thu phí sử dụng đường bộ phải được quản lý tách biệt với các khoản tiền khác của nhà cung cấp dịch vụ thu phí và chỉ được sử dụng cho các mục đích quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Tài khoản thu phí sử dụng đường bộ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi sau đây:

a) Nhận tiền nộp vào tài khoản trả trước.

b) Thanh toán các khoản phải hoàn trả cho chủ phương tiện.

c) Chuyển trả cho các Nhà đầu tư BOT hoặc đơn vị được giao tổ chức thu phí các đoạn đường bộ cao tốc do nhà nước đầu tư để hoàn vốn cho các dự án; chi trả dịch vụ thu phí điện tử không dừng cho nhà cung cấp dịch vụ thu phí.

d) Nộp tiền vào ngân sách nhà nước tiền phạt theo quy định của pháp luật.

đ) Chi trả các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Chủ phương tiện nộp tiền vào tài khoản thu phí (thông qua các hình thức nộp trực tiếp, liên thông tài khoản ngân hàng và các hình thức khác) để sử dụng dịch vụ thu phí điện tử không dừng theo quy định.

5. Trường hợp phương tiện giao thông đường bộ được gắn thẻ đầu cuối mà số tiền trong tài khoản thu phí không đủ để chi trả khi qua làn thu phí điện tử không dừng thì phương tiện phải sử dụng làn thu phí hỗn hợp.

Điều 22. Trách nhiệm của các bên

1. Nhà cung cấp dịch vụ thu phí có trách nhiệm:

a) Phát hành chứng từ thu phí đúng đối tượng, đúng giá trị cho từng đối tượng chịu phí tại trạm thu phí; không được thu phí, gây cản trở đối với các trường hợp không thuộc đối tượng chịu phí tại trạm thu phí, không được thay đổi mức phí khi chưa có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước.

b) Thực hiện kiểm toán doanh thu hàng năm theo quy định của pháp luật.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động thu phí để đảm bảo thực hiện theo đúng hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

d) Hoàn trả doanh thu thu phí cho đơn vị quản lý thu phí sau khi trừ đi giá dịch vụ của trạm thu phí theo Hợp đồng dịch vụ thu phí.

đ) Quản lý đối với toàn bộ số tiền của các chủ phương tiện nộp vào tài khoản thu phí của nhà cung cấp dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật.

e) Phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho các khoản giá dịch vụ của trạm thu phí đã thanh toán trong tháng và chuyển hóa đơn giá trị gia tăng cho đơn vị quản lý thu phí liên quan.

2. Đơn vị quản lý thu phí có trách nhiệm:

a) Báo cáo Cơ quan có thẩm quyền việc sử dụng tài khoản thu phí của nhà cung cấp dịch vụ, bao gồm: biện pháp quản lý sử dụng tài khoản thu phí của nhà cung cấp dịch vụ, có cam kết/thỏa thuận với ngân hàng về việc quản lý sử dụng tài khoản thu phí của nhà cung cấp dịch vụ.

b) Kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần giá dịch vụ thu phí nhận được theo quy định của pháp luật.

c) Lập báo cáo doanh thu thu phí và tình hình thu phí định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, hàng năm và báo cáo Cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

d) Kiểm tra, đối chiếu, tiếp nhận khoản doanh thu phí sử dụng đường bộ được Nhà cung cấp dịch vụ thu phí chuyển trả. Sử dụng khoản kinh phí này để hoàn vốn cho dự án BOT.

Điều 23. Đối soát số thu và chuyển tiền vào tài khoản thu phí sử dụng đường bộ; chứng từ, hóa đơn điện tử cho hoạt động thu

1. Đối soát số tiền chủ phương tiện đã nộp vào tài khoản trả trước: Hàng ngày, nhà cung cấp dịch vụ thu phí thực hiện đối soát số tiền chủ phương tiện đã nộp vào tài khoản trả trước với ngân hàng, đại lý và các đơn vị trung gian thanh toán. Hàng tháng, nếu số tiền trong tài khoản trả trước của chủ phương tiện được tính lãi tiền gửi, nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm cộng số lãi phát sinh trong tháng vào tài khoản trả trước của chủ phương tiện.

2. Đối soát số thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà cung cấp dịch vụ thu phí và đơn vị quản lý thu phí được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Nhà cung cấp dịch vụ thu phí thực hiện đối soát số liệu thu phí sử dụng đường bộ hàng ngày ngay sau thời điểm chốt số liệu (24 giờ tính từ thời điểm chốt số liệu trở về trước) với đơn vị quản lý thu phí làm căn cứ xác nhận số thu phí sử dụng đường bộ đã thu được trong ngày.

b) Trước ngày mùng 5 hàng tháng, nhà cung cấp dịch vụ thu phí và đơn vị quản lý thu phí thực hiện đối soát và chốt công nợ cho tháng liền trước đó.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính, nhà cung cấp dịch vụ thu phí và đơn vị quản lý thu phí thực hiện chốt công nợ và quyết toán cho năm liền trước đó.

3. Nhà cung cấp dịch vụ thu phí có trách nhiệm xây dựng quy trình đối soát, chuyển tiền phù hợp với quy định của Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan. Quy trình đối soát phải được gửi tới các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trước khi thực hiện thu phí điện tử không dừng.

4. Đơn vị quản lý thu phí có trách nhiệm phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ thu phí để thực hiện quy trình đối soát và khắc phục, điều chỉnh các lỗi, sai số phát hiện được thông qua quá trình đối soát.

5. Nhà cung cấp dịch vụ thu phí có trách nhiệm công khai số thu hàng ngày, số phí các phương tiện còn nợ tại từng trạm thu phí theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Hàng ngày, Đơn vị vận hành thu phí, Nhà cung cấp dịch vụ thu phí có trách nhiệm báo cáo về Cơ quan có thẩm quyền thông qua Hệ thống giám sát thu phí với các nội dung sau: Số tiền thu được, số phí các phương tiện còn nợ tại từng trạm thu phí, số tiền chuyển cho các dự án BOT (chi tiết từng dự án), số tiền còn giữ lại; khai báo doanh thu, lưu lượng và giải trình chênh lệch doanh thu, lưu lượng.

Điều 24. Chuyển tiền thu phí sử dụng đường bộ và thanh toán chi phí cung cấp dịch vụ

1. Trên cơ sở số liệu đã thống nhất sau khi thực hiện đối soát hàng ngày với đơn vị quản lý thu phí, nhà cung cấp dịch vụ thu phí chuyển toàn bộ số tiền thu dịch vụ sử dụng đường bộ (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng) tại mỗi trạm thu phí điện tử không dừng cho đơn vị quản lý thu phí sau khi trừ đi chi phí dịch vụ thu phí điện tử không dừng theo hợp đồng dịch vụ giữa nhà cung cấp dịch vụ thu phí và nhà đầu tư. Thời gian chuyển trả được thực hiện theo hợp đồng dịch vụ giữa nhà cung cấp dịch vụ thu phí và nhà đầu tư nhưng không vượt quá 12 giờ kể từ thời điểm chốt số liệu. Trường hợp vào các ngày lễ, ngày nghỉ mà hệ thống ngân hàng nghỉ làm việc không thực hiện được việc chuyển tiền qua hệ thống ngân hàng thì sẽ chuyển ngay (không quá 06 giờ) khi hệ thống ngân hàng làm việc trở lại.

2. Nhà cung cấp dịch vụ thu phí có trách nhiệm xây dựng quy trình thực hiện giao dịch thu phí điện tử không dừng; kê khai và nộp các loại thuế trên phần thu dịch vụ sử dụng đường bộ giữ lại; kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần dịch vụ nhận được theo quy định của pháp luật.

3. Đơn vị quản lý thu phí có trách nhiệm kê khai và nộp các loại thuế trên phần thu phí sử dụng đường bộ do nhà cung cấp dịch vụ thu phí điện tử không dừng đã chuyển trả.

Chương V

CHI PHÍ TỔ CHỨC THU

Điều 25. Chi phí vận hành

Chi phí vận hành thu phí bao gồm:

1. Chi cho công tác tổ chức thu phí trực tiếp:

a) Chi công tác điều hành hoạt động bán soát vé.

b) Chi công tác trực tiếp bán soát vé tại cabin.

c) Chi công tác bảo vệ, phân làn xe qua trạm.

d) Chi công tác vận hành làn thu phí không dừng.

đ) Chi công tác giám sát, hậu kiểm thu phí.

e) Chi công tác kế toán và quản lý vé thẻ tại trạm thu phí.

g) Chi công tác quản lý hệ thống kỹ thuật tại trạm thu phí.

h) Chi công tác kiểm tra, đối soát số liệu của nhà cung cấp dịch vụ thu phí với Đơn vị quản lý thu phí đối với trạm kết nối Back-end.

i) Chi công tác quản lý tiền mặt doanh thu thu phí của Đơn vị quản lý thu phí đối với nhà cung cấp dịch vụ thu phí theo hình thức một dừng và hình thức thu phí hỗn hợp.

2. Công tác quản lý tổ chức thu phí được xác định theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí nhân công trực tiếp thu phí theo định mức được cơ quan nhà nước ban hành.

Điều 26. Chi phí dịch vụ thu phí điện tử không dừng

1. Nhà cung cấp dịch vụ thu phí được hưởng chi phí dịch vụ thu phí điện tử không dừng để hoàn vốn cho đầu tư, xây dựng, cải tạo, quản lý, vận hành, bảo trì dự án thu phí điện tử không dừng. Chi phí dịch vụ thu phí điện tử không dừng của mỗi trạm thu phí được xác định cụ thể tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu phí điện tử không dừng và được trích trực tiếp từ doanh thu thu phí sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ có thu phí.

2. Chi phí dịch vụ thu phí điện tử không dừng sẽ được điều chỉnh tùy theo quy định tại các điều khoản Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu phí điện tử không dừng hoặc quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 27. Chi phí giám sát của các bên

1. Đơn vị quản lý thu phí có trách nhiệm bố trí cán bộ thực hiện công tác kiểm tra giám sát thu phí, đối soát số liệu thu phí với nhà cung cấp dịch vụ thu phí hoặc với nhà đầu tư trong trường hợp thu phí liên thông. Chi phí cho công tác

kiểm tra giám sát thu phí, đối soát của Đơn vị quản lý thu phí được lấy từ chi phí vận hành thu phí.

2. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức bộ phận để thực hiện vận hành Hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí sử dụng đường bộ. Hàng năm lập, trình cơ quan cấp trên phê duyệt chi phí vận hành hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí sử dụng đường bộ.

Chương VI

TẠM DỪNG THU, DỪNG THU, TRỪ THỜI GIAN THU

Điều 28. Tạm dừng thu

1. Tạm dừng thu khi Nhà đầu tư BOT, Đơn vị quản lý thu phí vi phạm chất lượng bảo trì công trình đường bộ đã được cơ quan có thẩm quyền có văn bản nhắc nhở 02 lần kèm theo thời hạn khắc phục. Chi tiết cụ thể về các hành vi vi phạm chất lượng bảo trì công trình được quy định trong Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian tạm dừng thu được tính từ thời điểm yêu cầu ghi trong văn bản tạm dừng cho đến khi Nhà đầu tư BOT, Đơn vị quản lý thu phí khắc phục xong, nhưng không ít hơn 01 ngày.

2. Tạm dừng thu khi Nhà đầu tư BOT, Đơn vị quản lý thu phí, Đơn vị vận hành thu phí, Nhà cung cấp dịch vụ thu phí để xảy ra các tình huống có nguy cơ mất an toàn giao thông, ùn tắc giao thông kéo dài trên tuyến đường, đã được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu khắc phục 02 lần bằng văn bản kèm theo thời hạn khắc phục nhưng không khắc phục hoặc chậm khắc phục. Thời gian tạm dừng thu được tính từ thời điểm yêu cầu ghi trong văn bản dừng cho đến khi Nhà đầu tư BOT, Đơn vị quản lý thu phí, Đơn vị vận hành thu phí, Nhà cung cấp dịch vụ thu phí khắc phục xong, nhưng không ít hơn 01 ngày.

3. Tạm dừng thu khi Đơn vị vận hành thu phí có các hành vi vi phạm điểm a, điểm b khoản 8 Điều 12 Thông tư này, Nhà cung cấp dịch vụ thu phí có các hành vi vi phạm điểm a, điểm b khoản 7 Điều 13 Thông tư này. Thời gian tạm dừng thu được tính từ thời điểm yêu cầu ghi trong văn bản tạm dừng cho đến khi Đơn vị vận hành thu phí, Nhà cung cấp dịch vụ thu phí khắc phục xong hậu quả của lỗi vi phạm và được cơ quan có thẩm quyền có văn bản cho phép thu phí trở lại.

4. Tạm dừng thu khi Đơn vị vận hành thu phí có hành vi vi phạm khoản 4 Điều 12 Thông tư này, đã được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu thực hiện ít nhất 02 lần bằng văn bản kèm theo thời hạn khắc phục. Thời gian tạm dừng thu được tính từ thời điểm yêu cầu ghi trong văn bản tạm dừng cho đến khi đơn vị vận hành thu phí hoàn thành các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư này.

5. Tạm dừng thu khi hệ thống công nghệ, thiết bị phục vụ trực tiếp cho việc thu phí sử dụng đường bộ bị trục trặc, hư hỏng không được khắc phục kịp thời theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư này, thời gian tạm dừng thu được tính từ thời điểm yêu cầu ghi trong văn bản tạm dừng cho đến khi Đơn vị vận hành thu phí khắc phục xong sự cố và được cơ quan có thẩm quyền có văn bản cho phép thu phí trở lại.

6. Tạm dừng thu khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp có dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh hoặc phục vụ an ninh, quốc phòng hoặc thực hiện theo chủ trương, chính sách của Nhà nước.

7. Tạm dừng thu trong trường hợp Đơn vị quản lý thu phí, Đơn vị vận hành thu phí hoặc Nhà cung cấp dịch vụ thu phí cố tình trì hoãn, không tuân thủ các quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 29. Dừng thu

1. Trường hợp dự án hết thời gian thu hoàn vốn, Đơn vị quản lý thu phí phải chủ động dừng thu phí hoặc chấp hành quyết định dừng thu phí của cơ quan có thẩm quyền (hoặc của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu phí sử dụng đường bộ).

2. Dừng thu phí trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Điều 30. Trừ thời gian thu

1. Trừ thời gian thu khi Nhà đầu tư BOT chậm nộp báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình BOT theo quy định. Thời gian thu bị trừ là 01 ngày trong trường hợp chậm nộp báo cáo quyết toán từ 10 đến 15 ngày; thời gian thu bị trừ là 02 ngày trong trường hợp chậm nộp báo cáo quyết toán từ 16 ngày đến hết 30 ngày; đối với trường hợp chậm nộp báo cáo quyết toán từ ngày 31 trở đi, cứ 05 ngày chậm nộp báo cáo quyết toán thì thời gian thu bị trừ 01 ngày.

2. Trừ thời gian thu khi Đơn vị vận hành thu phí, Nhà cung cấp dịch vụ thu phí không thực hiện việc sao lưu dữ liệu thu hoặc sao lưu dữ liệu không đầy đủ theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này. Thời gian thu bị trừ là 02 ngày trong trường hợp không sao lưu dữ liệu từ 10 đến 15 ngày; thời gian thu bị trừ là 04 ngày trong trường hợp không sao lưu dữ liệu từ 16 ngày đến hết 30 ngày; đối với trường hợp không sao lưu dữ liệu từ ngày 31 trở đi, cứ 05 ngày không sao lưu dữ liệu thì thời gian thu bị trừ 02 ngày.

3. Trừ thời gian thu khi Đơn vị quản lý thu phí, Đơn vị vận hành thu phí, Nhà cung cấp dịch vụ thu phí không thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 16 Thông tư này hoặc không nộp phí sử dụng tài sản nhà nước, không nộp tiền thuê quyền khai thác tài sản hạ tầng đường bộ theo quy định hiện hành khi cơ quan có

thẩm quyền có văn bản nhắc nhở 02 lần, mỗi lần cách nhau không dưới 05 ngày. Thời gian thu bị trừ là 01 ngày trong trường hợp chậm nộp báo cáo từ 10 ngày đến 30 ngày; thời gian thu bị trừ 02 ngày trong trường hợp chậm nộp báo cáo từ 31 ngày đến 60 ngày; đối với trường hợp chậm nộp báo cáo từ 61 ngày trở đi, cứ 05 ngày chậm nộp báo cáo thì thời gian thu bị trừ 01 ngày.

Điều 31. Tổ chức tạm dừng thu, dừng thu, trừ thời gian thu

1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định tạm dừng thu, dừng thu hoặc trừ thời gian thu:

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam quyết định việc tạm dừng thu, dừng thu hoặc trừ thời gian thu đối với các trạm thu phí trên hệ thống quốc lộ, đường cao tốc thuộc mạng lưới đường bộ do Trung ương quản lý.

b) Đối với các trạm thu phí trên hệ thống đường địa phương và các trạm thu phí trên quốc lộ, đường cao tốc mà cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan có thẩm quyền của địa phương quyết định việc tạm dừng thu, dừng thu hoặc trừ thời gian thu theo thẩm quyền.

2. Thời gian do việc tạm dừng thu trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 28 Thông tư này không được tính để kéo dài thời gian thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hợp đồng đã ký giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư.

3. Doanh thu mỗi ngày tạm dừng thu được tính bằng doanh thu bình quân một ngày của tháng sau liền kề sau khi tạm dừng thu. Đối với trường hợp đơn vị vận hành thu phí có hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 8 Điều 12 Thông tư này, Nhà cung cấp dịch vụ thu phí có hành vi vi phạm điểm a, điểm b khoản 7 Điều 13 Thông tư này ngoài việc bị tạm dừng thu theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư này, doanh thu mỗi ngày tạm dừng thu được xác định bằng 03 lần ngày có doanh thu cao nhất của tháng sau liền kề.

Doanh thu bình quân một ngày trong tháng là doanh thu bình quân một ngày của tổng doanh thu vé lượt, vé tháng, vé quý được ghi nhận trong tháng.

4. Trong thời gian tạm dừng thu, Đơn vị quản lý thu phí, Đơn vị vận hành thu phí, Nhà cung cấp dịch vụ thu phí có trách nhiệm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, không được phép gây cản trở, ùn tắc giao thông và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương, cũng như công khai tại trạm thu phí.

5. Các trường hợp trừ thời gian thu được tính trừ vào cuối thời điểm hoàn vốn của dự án khi quyết toán hợp đồng dự án.

6. Đối với dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, cơ quan quy định và áp dụng các hình thức xử lý trách nhiệm đối với Đơn vị quản lý thu phí khi để xảy ra việc tạm dừng thu.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Xử lý chuyên tiếp

1. Đối với các hợp đồng dự án đang đàm phán, chưa ký kết, cơ quan thẩm quyền căn cứ vào quy định của Thông tư này để rà soát điều chỉnh, cập nhật các điều khoản liên quan trong hợp đồng dự án.

2. Đối với các trạm thu phí đã được xác định vị trí và ký kết hợp đồng, phụ lục hợp đồng theo hình thức đối tác công tư đã ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày xx tháng xx năm 2021 và thay thế Thông tư số 15/2020/TT-BGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động của trạm thu phí đường bộ.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Thứ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố TW;
- Các Sở GTVT;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

Phụ lục 1

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CUNG CẤP THÔNG TIN, YÊU CẦU CUNG CẤP DỮ LIỆU VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG GIÁM SÁT THU PHÍ, QUY TRÌNH XỬ LÝ NGHIỆP VỤ VÀ KẾT QUẢ CỦA HỆ THỐNG GIÁM SÁT THU PHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số xx/2021/TT-BGTVT ngày xx/xx/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Vai trò của hệ thống giám sát thu phí:

- a) Thu nhận dữ liệu xe qua trạm theo thời gian thực của các phương tiện lưu thông trên các trạm thu phí được kết nối, đồng bộ dữ liệu.
- b) Truy xuất dữ liệu xe qua trạm bao gồm thời gian xe qua trạm, biển số, giá vé, loại xe, hình ảnh xe qua trạm.
- c) Tổng hợp, thống kê, phân tích các dữ liệu thu được theo yêu cầu đảm bảo sự minh bạch trong thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ.

2. Hệ thống giám sát thu phí cung cấp các thông tin:

- a) Tra cứu tức thời giao dịch của phương tiện qua trạm thu phí đường bộ thông qua việc tra cứu theo biển số xe bất kỳ đảm bảo tính minh bạch, thu đúng thu đủ tiền dịch vụ sử dụng đường bộ theo quy định.
- b) Tra cứu các giao dịch nghi vấn của phương tiện qua trạm để đối soát làm rõ các giao dịch xe qua trạm.
- c) Tra cứu các dữ liệu vé tháng, vé quý, xe miễn phí, xe miễn giảm, xe sử dụng phí đường bộ toàn quốc, giao dịch bán vé bổ sung.
- d) Tra cứu lưu lượng và doanh thu của các trạm thu phí.
- e) Cung cấp thông tin về dự án bao gồm: Tên dự án, giá trị công trình dự án (trong trường hợp dự án chưa được quyết toán thì công bố theo tổng mức đầu tư), tổng thời gian được thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ, thời điểm bắt đầu thu, thời gian thu còn lại, doanh thu tháng trước của trạm thu phí đường bộ.
- f) Cung cấp các báo cáo tổng hợp từ dữ liệu thu thập theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.
- g) Thông tin trên hệ thống giám sát thu phí là thông tin chính thống của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

3. Yêu cầu đối với đơn vị quản lý thu phí, đơn vị vận hành thu phí, nhà cung cấp dịch vụ thu phí về cung cấp dữ liệu và vận hành hệ thống giám sát thu phí:

a) Cung cấp, cập nhật dữ liệu xe vé tháng, xe vé quý, xe miễn giảm, xe miễn phí (nếu có), giao dịch bán vé bổ sung (thu phí một dừng bán vé bổ sung, thu phí không dừng tạo offline...), khai báo lưu lượng và doanh thu sau đối soát (bao gồm cả các lần chưa được đồng bộ lên hệ thống giám sát thu phí), thống kê, giải trình chênh lệch số liệu theo ca làm việc lên hệ thống giám sát thu phí hàng ngày.

b) Bố trí nhân sự vận hành hệ thống giám sát thu phí, điều tra, giải quyết truy vấn, đối soát, trả lời, giải trình (bằng video, hình ảnh, tài liệu khác ...) liên quan đến các giao dịch nghi vấn lên hệ thống giám sát thu phí không quá 24 giờ kể từ thời điểm xe qua trạm thu phí.

c) Hạ tầng, phần mềm công nghệ thông tin tại trạm thu phí phải đảm bảo đề truyền dữ liệu: Biển số xe; loại xe, giá vé, thời gian giao dịch và ảnh xe qua làn lên hệ thống giám sát thu phí.

4. Quy trình xử lý nghiệp vụ:

a) Cơ chế đối soát, xử lý giao dịch nghi vấn:

- Yêu cầu đơn vị thu phí giải trình các giao dịch liên quan tới thu sai mệnh giá.
- Yêu cầu đơn vị thu phí phải giải trình toàn bộ nghi vấn liên quan tới xe miễn phí, xe miễn giảm, xe trả trước, sai loại xe .

- Nếu giao dịch nghi vấn nào không giải trình thì có thể đề nghị truy thu loại xe theo dữ liệu hiện có hoặc được cập nhật sau tại hệ thống giám sát thu phí.

- Những giao dịch nghi vấn thu sai giá tiền được thống kê và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

- Đối với trường hợp xe chở hài cốt, xe chở người đi cấp cứu (không phải xe cứu thương) là các trường hợp nghi vấn do có yếu tố tâm linh và mang tính nhân đạo, cứu người khẩn cấp chỉ cần xác nhận của Trưởng ca/Trạm trưởng trạm thu phí đường bộ.

- Cách thức xử lý một số trường hợp do thiếu dữ liệu như sau:

+ Trạm thu phí đối soát trực quan để xác định xe nhóm 1, đơn vị vận hành hệ thống giám sát phê duyệt các xe này (có thể tự phê duyệt không cần trạm giải trình).

+ Đối với xe nhóm 2,3,4 tạm thời chấp nhận giá trị thu của trạm thu phí, khi có dữ liệu đăng kiểm thì cập nhật dữ liệu để so sánh, đề nghị truy thu (nếu có sai lệch loại xe).

+ Đối với xe trạm thu phí đường bộ thu là nhóm 5 không cần trạm giải trình, mặc định chấp thuận.

b) Quy trình xử lý nghiệp vụ theo Bảng quy trình xử lý nghiệp vụ.

5. Kết quả sản phẩm của hệ thống giám sát thu phí:

a) Kết quả của hệ thống giám sát thu phí: Báo cáo kết quả khai báo lưu lượng và doanh thu của trạm thu phí theo tháng, quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền; Báo cáo số liệu đề nghị cấp có thẩm quyền truy thu theo tháng, quý, 6 tháng, năm.

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam quản lý dữ liệu thông tin lưu lượng và doanh thu xe qua trạm thu phí đường bộ do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan có thẩm quyền.

BẢNG QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ TẠI HỆ THỐNG GIÁM SÁT THU PHÍ

TT	Tên nghiệp vụ	Mô tả nghiệp vụ	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị thu phí	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị vận hành hệ thống giám sát thu phí	Ghi chú
I	Xử lý giao dịch nghi vấn				
1	Sai loại xe	<p>Nghi vấn sai loại xe xảy ra khi hệ thống giám sát thu phí phát hiện giao dịch xe qua mà loại xe trạm thu phí truyền về hệ thống giám sát thu phí khác với loại xe hệ thống giám sát thu nhập được (xe chuẩn đã được đơn vị vận hành kiểm tra; loại xe xác định dựa vào dữ liệu do Cục Đăng kiểm Việt Nam cung cấp).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra và giải trình các giao dịch nghi vấn trên hệ thống có trạng thái chưa giải trình/yêu cầu giải trình lại; - Chủ động giải trình các giao dịch nghi vấn yêu cầu tại hệ thống giám sát thu phí; - Khi giải trình cần nhập đầy đủ thông tin: biển số, nội dung giải trình và đính kèm hình ảnh giấy tờ liên quan chứng minh loại xe (Giấy chứng nhận đăng ký xe hoặc Giấy CNĐKATKT và BVMT); + Đối với giao dịch nghi vấn theo hình thức thu phí một dừng: Trường hợp không có giấy tờ liên quan chứng minh loại xe cần nhập rõ lý do trong nội dung giải trình để đơn vị vận hành có căn cứ chấp thuận hoặc đưa vào giao dịch nghi vấn chờ xử lý. + Đối với giao dịch nghi vấn theo hình thức thu phí không dừng: Giải trình trường hợp sai loại xe do nhà cung cấp dịch vụ thu phí cung cấp. + Chia sẻ, cung cấp dữ liệu thông tin xe chuẩn cho đơn vị vận hành cập nhật hoặc 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thông tin giao dịch; - Đối chiếu loại xe trạm gửi với dữ liệu loại xe có tại hệ thống; - Xem thông tin trạm giải trình, kiểm tra nội dung giải trình, ảnh/video/văn bản đính kèm. Nếu đúng thì đồng ý bỏ qua giao dịch nghi vấn. Nếu sai, yêu cầu trạm giải trình lại; - Cập nhật lại dữ liệu thông tin xe chuẩn lên hệ thống (biển số, loại xe) để lần các giao dịch về sau không còn phát hiện nghi vấn; - Thực hiện đề nghị truy thu đối với các trường hợp giao dịch nghi vấn trạm đã chấp nhận hoặc trạm giải trình không đúng quy định; - Xử lý, báo cáo các trường hợp nghi vấn do vướng mắc pháp lý, chưa đủ căn cứ để xác định nghi vấn; - Chuyển giao dịch nghi vấn về trạng thái chờ xử lý đối với các trường hợp trạm giải trình nhưng chưa đính kèm các tài liệu chứng minh; 	

TT	Tên nghiệp vụ	Mô tả nghiệp vụ	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị thu phí	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị vận hành hệ thống giám sát thu phí	Ghi chú
			đồng bộ tự động lên hệ thống để giám tới đa các nghi vấn sai loại xe.	- Đồng ý không cần trạm giải trình các trường hợp cán bộ vận hành xác định được loại xe qua dữ liệu hình ảnh trạm gửi về hệ thống);	
2	Sai xe trả trước	Nghi vấn sai xe trả trước xảy ra khi hệ thống phát hiện giao dịch xe vé tháng/quý đi qua mà không tìm thấy trong danh sách xe vé tháng/quý hoặc có trong danh sách xe vé tháng/quý nhưng không còn hiệu lực hoặc thời gian vé tháng/quý sai.	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra và giải trình các giao dịch nghi vấn trên hệ thống có trạng thái chưa giải trình/yêu cầu giải trình lại; - Chủ động giải trình các giao dịch nghi vấn yêu cầu tại hệ thống giám sát thu phí; - Khi giải trình cần nhập đầy đủ thông tin: biển số, nội dung giải trình và đính kèm hình ảnh, tệp tin chứng minh là xe tháng/quý; - Kiểm tra xe đã được thêm hoặc đồng bộ vào danh sách vé/tháng quý hay chưa; - Thêm thủ công hoặc import xe vé tháng/quý lên hệ thống nếu chưa có; - Kiểm tra trong trường hợp xe vé tháng/quý không tự động đồng bộ hoặc đồng bộ thiếu để có phương án xử lý, hậu kiểm lại các giao dịch nghi vấn liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thông tin giao dịch; - Tìm kiếm vé trả trước trong kho vé tháng/quý (tìm kiếm theo biển số hoặc Etag); - Xem thông tin trạm giải trình, kiểm tra nội dung giải trình, ảnh/video/văn bản đính kèm. Nếu đúng thì đồng ý bỏ qua giao dịch nghi vấn. Nếu sai, yêu cầu trạm giải trình lại; - Báo cáo đề nghị truy thu đối với các trường hợp giao dịch nghi vấn trạm đã chấp nhận hoặc trạm giải trình không đúng quy định; - Xử lý, báo cáo các trường hợp nghi vấn do vướng mắc pháp lý, chưa đủ căn cứ để xác định nghi vấn; - Chuyển giao dịch nghi vấn về trạng thái chờ xử lý đối với các trường hợp trạm giải trình nhưng chưa đính kèm các tài liệu chứng minh; - Đồng ý không cần trạm giải trình các trường hợp cán bộ vận hành xác định 	<p>Dữ liệu vé tháng quý là dữ liệu được đồng bộ tự động hoặc thêm thủ công trên hệ thống giám sát thu phí. Hiện tại có 3 hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các trạm nằm trong dự án BOO1: Dữ liệu vé tháng/quý được đồng bộ tự động từ các trạm thu phí do FE (đơn vị cung cấp phần mềm thu phí) của trạm lập trình phần mềm và đồng bộ dữ liệu lên hệ thống giám sát thu phí. - Đối với các trạm nằm trong dự án BOO2: Dữ liệu vé tháng/quý được đồng bộ từ Backend của nhà cung cấp dịch vụ thu phí không dùng VDTC. Backend của hệ thống giám sát thu phí tự động đồng bộ dữ liệu từ Backend của VDTC thông

TT	Tên nghiệp vụ	Mô tả nghiệp vụ	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị thu phí	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị vận hành hệ thống giám sát thu phí	Ghi chú
				được loại xe qua dữ liệu hình ảnh trạm gửi về hệ thống;	qua tài khoản được cung cấp. - Hoặc dữ liệu vé tháng/quý cũng có thể do đơn vị thu phí, đơn vị cung cấp dịch vụ thu phí thêm thủ công/import file lên hệ thống giám sát thu phí.
3	Không phải xe miễn phí	Nghi vấn không phải xe miễn phí xảy ra khi hệ thống giám sát thu phí phát hiện giao dịch xe qua mà trạm mở miễn phí đơn hoặc giá tiền và loại xe bằng 0 và biển số hoặc Etag xe không tìm thấy trong các danh sách xe miễn phí nêu trên.	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra và giải trình các giao dịch nghi vấn trên hệ thống có trạng thái chưa giải trình/yêu cầu giải trình lại; - Chủ động giải trình các giao dịch nghi vấn yêu cầu tại hệ thống giám sát thu phí; - Khi giải trình cần nhập đầy đủ thông tin: biển số, nội dung giải trình và đính kèm hình ảnh, tệp tin chứng minh là xe thuộc diện miễn phí/ưu tiên; - Kiểm tra xe đã được thêm hoặc đồng bộ vào danh sách xe miễn phí; - Thêm thủ công hoặc import xe miễn phí lên hệ thống nếu chưa có; - Kiểm tra trong trường hợp xe miễn phí không tự động đồng bộ hoặc đồng bộ thiếu để có phương án xử lý, hậu kiểm lại các giao dịch nghi vấn liên quan; 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thông tin giao dịch; - Tìm kiếm xe miễn phí (tìm kiếm theo biển số hoặc Etag trong danh sách xe miễn phí, xe sử dụng vé toàn quốc, xe miễn giảm 100%); - Xem thông tin trạm giải trình, kiểm tra nội dung giải trình, ảnh/video/văn bản đính kèm. Nếu đúng thì đồng ý bỏ qua giao dịch nghi vấn. Nếu sai, yêu cầu trạm giải trình lại; - Báo cáo đề nghị truy thu đối với các trường hợp giao dịch nghi vấn trạm đã chấp nhận hoặc trạm giải trình không đúng quy định; - Xử lý, báo cáo các trường hợp nghi vấn do vướng mắc pháp lý, chưa đủ căn cứ để xác định nghi vấn; - Chuyển giao dịch nghi vấn về trạng thái chờ xử lý đối với các trường hợp trạm giải trình nhưng chưa đính kèm các tài liệu chứng minh; 	<p>Dữ liệu xe miễn phí là dữ liệu được đồng bộ tự động hoặc thêm thủ công trên hệ thống giám sát thu phí. Hiện tại có 4 hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các trạm nằm trong dự án BOO1: Dữ liệu xe miễn phí được đồng bộ tự động từ các trạm thu phí do FE (đơn vị cung cấp phần mềm thu phí) của trạm lập trình phần mềm và đồng bộ dữ liệu lên hệ thống giám sát thu phí. - Đối với các trạm nằm trong dự án BOO2: Dữ liệu xe miễn phí được đồng bộ từ Backend của nhà cung cấp dịch vụ thu phí không dùng VDTC. Backend của hệ thống

TT	Tên nghiệp vụ	Mô tả nghiệp vụ	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị thu phí	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị vận hành hệ thống giám sát thu phí	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý không cần trạm giải trình các trường hợp cán bộ vận hành xác định được loại xe qua dữ liệu hình ảnh, tài liệu trạm gửi về hệ thống; 	<p>giám sát thu phí tự động đồng bộ dữ liệu từ Backend của VDTC thông qua tài khoản được cung cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu xe miễn phí cũng có thể do đơn vị thu phí, đơn vị cung cấp dịch vụ thu phí thêm thủ công/import file lên hệ thống giám sát thu phí. - Dữ liệu xe miễn phí được đơn vị vận hành import từ danh sách xe hộ đê do Tổng cục PCTT cung cấp; hoặc dữ liệu được đơn vị vận hành thêm do thuộc đối tượng miễn giảm theo quy định; hoặc dữ liệu do đơn vị vận hành thêm các xe sử dụng phí đường bộ toàn quốc.
4	Không phải xe miễn giảm	<p>Nghi vấn không phải xe miễn giảm xảy ra khi hệ thống phát hiện giao dịch xe qua có hình thức thu là miễn giảm (giá tiền không đúng với bản giá vé tiêu chuẩn) và biển số hoặc Etag xe không tìm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra và giải trình các giao dịch nghi vấn trên hệ thống có trạng thái chưa giải trình/yêu cầu giải trình lại; - Chủ động giải trình các giao dịch nghi vấn yêu cầu tại hệ thống giám sát thu phí; - Khi giải trình cần nhập đầy đủ thông tin: biển số, nội dung giải trình và đính kèm hình ảnh, tệp tin chứng minh là xe thuộc 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thông tin giao dịch; - Tìm kiếm xe miễn giảm (tìm kiếm theo biển số hoặc Etag trong danh sách xe miễn giảm); - Xem thông tin trạm giải trình, kiểm tra nội dung giải trình, ảnh/video/văn bản đính kèm. Nếu đúng thì đồng ý bỏ qua 	<p>Dữ liệu xe miễn giảm là dữ liệu được đồng bộ tự động hoặc thêm thủ công trên hệ thống giám sát thu phí. Hiện tại có 2 hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các trạm nằm trong dự án BOO1: Không đồng bộ tự động do BE của

TT	Tên nghiệp vụ	Mô tả nghiệp vụ	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị thu phí	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị vận hành hệ thống giám sát thu phí	Ghi chú
		thấy trong các danh sách xe miễn trên hệ thống.	<p>diện miễn giảm. Đối với các xe thuộc đối tượng giảm giá khi giải trình cần kèm theo văn bản, quyết định chấp thuận miễn giảm giá của cơ quan có thẩm quyền;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra xe đã được thêm vào danh sách xe miễn giảm; - Thêm thủ công hoặc import xe miễn giảm lên hệ thống nếu chưa có. 	<p>nghỉ nghỉ vấn. Nếu sai, yêu cầu trạm giải trình lại;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đề nghị truy thu đối với các trường hợp giao dịch nghỉ vấn trạm đã chấp nhận hoặc trạm giải trình không đúng quy định; - Xử lý, báo cáo các trường hợp nghỉ vấn do vướng mắc pháp lý, chưa đủ căn cứ để xác định nghỉ vấn; - Chuyển giao dịch nghỉ vấn về trạng thái chờ xử lý đối với các trường hợp trạm giải trình nhưng chưa đính kèm các tài liệu chứng minh; - Đồng ý không cần trạm giải trình các trường hợp cán bộ vận hành xác định được loại xe qua dữ liệu hình ảnh trạm gửi về hệ thống giám sát thu phí; 	<p>VETC không đồng bộ xuống FE. Do đó phần mềm đồng bộ dữ liệu của FE không có để đồng bộ lên hệ thống giám sát thu phí. Đối với các trạm này phải thực hiện import excel hoặc thêm thủ công xe miễn giảm lên hệ thống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các trạm nằm trong dự án BOO2: Được đồng bộ từ Backend của nhà cung cấp dịch vụ thu phí không dùng VDTC. Backend của hệ thống giám sát thu phí tự động đồng bộ dữ liệu từ Backend của VDTC thông qua tài khoản được cung cấp. Tuy nhiên, ở 1 số trạm VDTC cũng không có danh sách xe miễn giảm (do chỉ thuê BE). Do đó, với các trạm này phải thực import excel hoặc thêm thủ công xe miễn giảm lên hệ thống.
5	Không nhận dạng được biển số xe	Hiện tại yêu cầu KPI nhận dạng biển số các trạm là 91%. Các biển số không nhận dạng được	- Kiểm tra và giải trình các giao dịch nghỉ vấn trên hệ thống có trạng thái chưa giải trình/yêu cầu giải trình lại;	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thông tin giao dịch; - Xem thông tin trạm giải trình, kiểm tra nội dung giải trình, ảnh/video/văn bản đính kèm. Nếu đúng thì đồng ý bỏ qua 	

TT	Tên nghiệp vụ	Mô tả nghiệp vụ	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị thu phí	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị vận hành hệ thống giám sát thu phí	Ghi chú
		do: Biển mờ, bẩn, bong tróc, mất phản quang, đèn lóa, xe đi nối đuôi...Do đó hệ thống đưa các giao dịch này vào loại nghi vấn không nhận dạng được biển số.	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động giải trình các giao dịch nghi vấn yêu cầu tại hệ thống giám sát thu phí; - Khi giải trình cần nhập đầy đủ thông tin: biển số, nội dung giải trình và đính kèm hình ảnh, tệp tin chứng minh biển số xe. 	<ul style="list-style-type: none"> nghi nghi vấn. Nếu sai, yêu cầu trạm giải trình lại; - Báo cáo đề nghị truy thu đối với các trường hợp giao dịch nghi vấn trạm đã chấp nhận hoặc trạm giải trình không đúng quy định; - Xử lý, báo cáo các trường hợp nghi vấn do vướng mắc pháp lý, chưa đủ căn cứ để xác định nghi vấn; - Chuyển giao dịch nghi vấn về trạng thái chờ xử lý đối với các trường hợp trạm giải trình nhưng chưa đính kèm các tài liệu chứng minh; - Đồng ý không cần trạm giải trình các trường hợp cán bộ vận hành xác định được loại xe qua dữ liệu hình ảnh trạm gửi về hệ thống; 	
II	Khai báo lưu lượng và doanh thu hàng ngày	Khai báo lưu lượng và doanh thu hàng ngày trên hệ thống hàng ngày là cơ sở để cơ quan quản lý, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát được lưu lượng, doanh thu thực tế.	<ul style="list-style-type: none"> - Khai báo lưu lượng và doanh thu theo khung giờ (ca làm việc) ở từng trạm. - Số liệu khai báo phải là số liệu sau đối soát, hậu kiểm. - Khai báo các làn đồng bộ và cả các làn không được đồng bộ. - Giải trình và kèm theo tài liệu chứng minh chênh lệch số liệu với hệ thống giám sát thu phí 		

TT	Tên nghiệp vụ	Mô tả nghiệp vụ	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị thu phí	Nghiệp vụ xử lý của đơn vị vận hành hệ thống giám sát thu phí	Ghi chú
III	Khai báo dữ liệu bán vé bổ sung	<p>Các giao dịch bán vé bổ sung không được đồng bộ tự động lên hệ thống giám sát thu phí. Các giao dịch này thông thường thực hiện sau khi xe đã qua làn thu phí. Do đó, để kiểm soát và làm căn cứ đối soát chênh lệch doanh thu, trạm phải thực hiện thêm các giao dịch bán vé bổ sung này lên hệ thống giám sát thu phí</p>	<p>- Thêm các giao dịch bán vé bổ sung (thu phí một dừng bán vé bổ sung, thu phí không dừng tạo offline...) là các giao dịch không được đồng bộ tự động lên hệ thống giám sát thu phí.</p> <p>- Dữ liệu bán vé bổ sung bao gồm tất cả các làn đồng bộ và chưa đồng bộ.</p>		

Phụ lục 2
CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ HIỆU NĂNG VẬN HÀNH (KPI) HỆ THỐNG KẾT NỐI LIÊN THÔNG VÀ PHỐI HỢP GIỮA HAI NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THU PHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số xx/2021/TT-BGTVT ngày xx/xx/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Thời gian từ lúc hệ thống thu phí điện tử không dừng của Nhà cung cấp dịch vụ thu phí B gửi yêu cầu đến khi nhận được phản hồi từ hệ thống thu phí điện tử không dừng của Nhà cung cấp dịch vụ thu phí A là không quá 200ms (được gọi là giao dịch ONLINE). Sau khoảng thời gian đó tính là lỗi để đưa vào luồng xử lý hậu kiểm, bất thường qua luồng OFFLINE. Thời gian tạo giao dịch OFFLINE là tối đa 120 giờ (5 ngày) kể từ thời điểm phát sinh giao dịch xe qua trạm. Trường hợp phát sinh quá 120 giờ cần thực hiện happy call khách hàng, và đưa vào trù OFFLINE khi khách hàng đồng ý (chứng minh video+ hình ảnh xe qua trạm).

2. Nhà cung cấp dịch vụ thu phí đảm bảo KPI kết nối liên thông giữa 2 Nhà cung cấp dịch vụ thu phí và hệ thống FrontEnd tại trạm thu phí.

a) Mức độ ảnh hưởng khách hàng:

Thời gian gián đoạn dịch vụ (tháng): Thời gian tính từ khi hệ thống phát sinh sự cố (sự cố hàng loạt) đến khi hệ thống được khôi phục, chỉ tiêu ≤ 120 phút (chu kỳ đánh giá theo tháng).

b) Tốc độ xử lý giao dịch:

- Tốc độ xử lý giao dịch checkin: Thời gian xử lý tính từ khi hệ thống nhận được bản tin yêu cầu xử lý giao dịch đến khi hệ thống trả về kết quả xử lý giao dịch, chỉ tiêu ≤ 120 ms (chu kỳ đánh giá theo tháng).

- Tốc độ xử lý giao khác: Thời gian xử lý tính từ khi hệ thống nhận được bản tin yêu cầu xử lý giao dịch đến khi hệ thống trả về kết quả xử lý giao dịch, chỉ tiêu ≤ 200 ms (chu kỳ đánh giá theo tháng).

- Tỷ lệ giao dịch đạt yêu cầu tốc độ xử lý: Tỷ lệ giao dịch đạt yêu cầu về tốc độ xử lý, chỉ tiêu $\geq 99.80\%$ (chỉ tiêu đánh giá theo tháng).

- Thời gian unhold (giải phóng tiền đang giữ của khách hàng) của giao dịch giữ tiền: Sau 48h tính từ thời điểm hold tiền khi xe qua trạm, nếu không nhận được lệnh commit để trừ tiền thì hệ thống tự động unhold số tiền đã giữ, chỉ tiêu = 48 giờ (chỉ tiêu đánh giá theo ngày).

c) Giao dịch xử lý thành công:

- Tỷ lệ giao dịch xử lý thành công: Tỷ lệ giao dịch xử lý thành công (không bao gồm các giao dịch thực hiện trong thời gian hệ thống có sự cố hàng loạt), chỉ tiêu $\geq 99.90\%$ (chỉ tiêu đánh giá theo ngày).

d) Độ chính xác xử lý giao dịch:

- Tỷ lệ giao dịch được xử lý chính xác: Tỷ lệ giao dịch được xử lý chính xác là 100% (chỉ tiêu đánh giá theo ngày).

đ) Tần suất lỗi sau triển khai: Số lỗi phát sinh trên hệ thống, chỉ tiêu ≤ 1 lỗi (chỉ tiêu đánh giá theo tháng).

e) Thời gian xử lý sự cố:

- Thời gian ứng cứu sự cố: Thời gian tính từ khi hệ thống phát sinh sự cố đến khi hệ thống được khôi phục (bằng các phương án ngắn hạn hoặc dài hạn), chỉ tiêu ≤ 120 phút (chỉ tiêu đánh giá theo tháng).

- Thời gian khắc phục sự cố: Thời gian tính từ khi hệ thống phát sinh sự cố đến khi hệ thống được khắc phục triệt để sự cố (bằng phương án dài hạn), chỉ tiêu ≤ 15 ngày (chỉ tiêu đánh giá theo tháng).

- Thời gian xử lý sự cố đơn lẻ: Thời gian tính từ khi nhận được thông tin khiếu nại của khách hàng Nhà cung cấp dịch vụ thu phí A chuyển sang Nhà cung cấp dịch vụ thu phí B và ngược lại, chỉ tiêu $\leq 48h$ (chỉ tiêu đánh giá theo tháng).

g) Quy định về lưu trữ, đồng bộ CSDL:

- Thời gian lưu trữ dữ liệu xe qua trạm: Dữ liệu được lưu online trong vòng 6 tháng để có thể đối soát online. Hai bên có API giao tiếp để kiểm tra lịch sử giao dịch quan trạm phục vụ mục đích đối soát, hậu kiểm, chỉ tiêu ≥ 6 tháng (chỉ tiêu đánh giá theo năm).

Phụ lục 3
DANH MỤC HỒ SƠ, MẪU BIỂU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ DOANH THU
DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ VÀ LƯU LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN
(Ban hành kèm theo Thông tư số xx/2021/TT-BGTVT ngày xx/xx/2021 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung	Báo cáo tháng	Báo cáo 6 tháng	Báo cáo năm
1	Mẫu số 01: Chi tiết thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ	X	X	X
2	Mẫu số 02: Tổng hợp lưu lượng xe	X	X	X
3	Mẫu số 03: Chi tiết các khoản thu khác từ dự án giai đoạn vận hành, khai thác			X
4	Mẫu số 04: Chi tiết các khoản chi vận hành, bảo trì dự án			X
5	Mẫu số 05: Chi tiết lãi suất tiền vay giai đoạn kinh doanh khai thác			X
6	Mẫu số 06: Các chỉ tiêu tài chính khác giai đoạn kinh doanh khai thác			X
7	Mẫu số 07: Thuyết minh báo cáo			X
8	Mẫu số 08: Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán			X

Mẫu số 01
CHI TIẾT THU PHÍ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ
 Giai đoạn:.....
 Dự án:.....
 Trạm thu phí:.....

Đơn vị tính (đồng)

TT	Tên vé (chi tiết cho từng loại phương tiện)	Đơn giá	Số vé sử dụng			Thành tiền		
			Tổng Số	Hình thức thu không dừng (ETC)	Hình thức thu một dừng (MTC)	Tổng số	Hình thức thu không dừng (ETC)	Hình thức thu một dừng (MTC)
A	1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	8=4x2	9=5x2
I	Vé lượt							
	Xe ...							
							
II	Vé tháng							
	Xe....							
	...							
III	Vé quý							
	Tổng cộng							

Ghi chú: Báo cáo theo từng loại xe, loại vé; cột thành tiền cộng theo từng toại vé và tổng cộng

Người lập biểu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Mẫu số 02
BÁO CÁO LƯU LƯỢNG XE
Giai đoạn:.....

Tên trạm thu phí, lý trình:

Ngày	Hình thức thu	Lưu lượng xe theo Hợp đồng (xe/ngày đêm) (phân loại xe theo hợp đồng dự án)						Lưu lượng xe theo thực tế (xe/ngày đêm) (phân loại xe theo hợp đồng dự án)						Ghi chú
		Loại				Cộng	Loại xe...					Cộng	
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)							
1	ETC													
	MTC													
2	ETC													
	MTC													
...														
...														
Cộng	ETC													
	MTC													
	Cộng													

Ghi chú: Báo cáo 6 tháng và báo cáo năm: Cột ngày chuyển thành tháng.

Người lập biểu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Mẫu số 03
CÁC KHOẢN THU KHÁC GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
Giai đoạn:

TT	Nội dung các khoản thu	Số tiền
1		
2		
	Cộng	

Người lập biểu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Mẫu số 04
CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
Giai đoạn:

TT	Nội dung các khoản chi	Số tiền theo hợp đồng dự án	Số thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền	Số thực hiện
1				
2				
	Cộng			

Người lập biểu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Mẫu số 05
CHI TIẾT LÃI SUẤT TIỀN VAY GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
Giai đoạn:

Ngày tháng năm áp dụng mức lãi suất	Lãi suất vay theo hợp đồng dự án	Lãi suất so sánh theo quy định hợp đồng dự án	Lãi suất vay thực tế của nhà đầu tư	Lãi suất vay áp dụng

Người lập biểu

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Mẫu số 06
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH KHÁC GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
Giai đoạn:

TT	Chỉ tiêu	Quy định tại hợp đồng dự án	Thực tế	Mức áp dụng đề xuất
1	Tỷ lệ trượt giá			
2	Tỷ lệ chi tổ chức thu			
3	Tỷ lệ trích doanh thu cho thu không dừng			
4	Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu			
5	Tỷ lệ tăng trưởng lưu lượng			
...	...			

Người lập biểu

**Người đại diện theo pháp luật của doanh
nghiệp**

Mẫu số 07
NHÀ ĐẦU TƯ:
ĐƠN VỊ THU:
THUYẾT MINH BÁO CÁO
Giai đoạn:.....

1. Tình hình giao thông (đánh giá tình giao thông trên toàn tuyến có xảy ra ùn tắc không? Có phải mở làn thu đề giảm ùn tắc không, nếu có ghi cụ thể thời gian và nguyên nhân...);

2. Lưu lượng xe (lưu lượng xe tăng hay giảm, tăng giảm bao nhiêu %....);

3. Công tác quản lý, bảo trì dự án (nhà đầu tư có thực hiện công tác bảo trì dự án theo quy định về bảo trì đường bộ và hợp đồng dự án không; có xây dựng quy trình bảo trì và lập kế hoạch bảo trì trình cơ quan có thẩm quyền không? chi phí bảo trì cao hơn hay thấp hơn quy định tại hợp đồng, nguyên nhân tăng, giảm chi phí bảo trì....);

4. Tình hình thu (công tác tổ chức thu, có ý kiến kiến nghị của người dân về tình thu không, doanh thu tăng hay giảm, trong kỳ báo cáo có tăng giá vé không...);

5. Lãi suất tiền vay thực tế tăng hay giảm bao nhiêu % so với hợp đồng, việc theo dõi lãi suất vay của nhà đầu tư ...;

6. Theo điều kiện của hợp đồng dự án có phải điều chỉnh phương án tài chính không, nếu phải điều chỉnh ghi cụ thể theo quy định tại điều khoản nào, nội dung quy định về điều chỉnh phương án tài chính và kiến nghị của nhà đầu tư như thế nào;

7. Kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra (nếu có ghi rõ số ngày tháng năm của kết luận, biên bản thanh tra kiểm tra, nhà đầu tư đã thực hiện kiến nghị như thế nào);

8. Các nội dung khác.

Mẫu số 08
NHÀ ĐẦU TƯ:
ĐƠN VỊ THU:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHẬN BÀN
GIAO TỪ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(từ ngày .../.../... đến ngày .../.../....)

Dự án:.....

Trạm thu phí:

A. Danh mục tài sản bàn giao

Ngày nhận bàn giao:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Hao mòn trong năm	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3	4	5=2-4

B. Tình hình nộp phí sử dụng tài sản

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Phí sử dụng tài sản các năm trước đã nộp	
2	Phí sử dụng tài sản các năm trước chưa nộp chuyển sang	
3	Phí sử dụng tài sản phải nộp trong năm	
4	Phí sử dụng tài sản đã nộp trong năm	
5	Phí sử dụng tài sản còn phải nộp chuyển năm sau	

Người lập biểu

Giám đốc

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số xx/2021/TT-BGTVT ngày xx/xx/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Các hạng mục công việc vi phạm chất lượng bảo trì không được khắc phục kịp thời phải tạm dừng thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ

TT	Hạng mục công việc vi phạm chất lượng	Mức độ vi phạm chất lượng bảo trì phải tạm dừng thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ
A	Quốc lộ, đường tỉnh	
I	Đối với mặt đường nhựa	
1	Mặt đường bị nứt: - Nứt mai rùa; - Nứt lưới lớn; - Nứt đơn dọc và ngang; - Nứt phản ánh; - Nứt parabol.	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCCS 07:2013/TCĐBVN gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) có khối lượng hư hỏng thuộc một trong các trường hợp sau: - Tổng diện tích nứt mai rùa: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² . - Tổng diện tích nứt lưới lớn: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² . - 10 vết (mỗi vết $\geq 50\%$ bề rộng mặt đường) và tổng chiều dài nứt dọc ≥ 300 m. - 10 vết (mỗi vết $\geq 50\%$ bề rộng mặt đường) và tổng chiều dài phản ánh ≥ 300 m. - Tổng diện tích nứt parapol: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² , không có ổ gà, trôi lún.
2	Mặt đường bị lún vết bánh xe	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng, lún vết bánh xe $\geq 2,5$ cm (mức H theo TCCS 07:2013/TCĐBVN gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) và có tổng chiều dài các vết, đoạn lún ≥ 500 m.
3	Mặt đường bị hư hỏng cục bộ: - Lún lõm cục bộ; - Lồi lõm; - Đầy trôi nhựa, đôn nhựa (dạng sóng trâu ≥ 5 cm);	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCCS 07:2013/TCĐBVN gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) có khối lượng hư hỏng thuộc một trong các trường hợp sau: - Tổng diện tích lún lõm cục bộ: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² . - Tổng diện tích lồi lõm: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt

TT	Hạng mục công việc vi phạm chất lượng	Mức độ vi phạm chất lượng bảo trì phải tạm dừng thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ
		đường và tối đa không quá 200 m ² . - Tổng diện tích đầy trời nhựa, dòn nhựa: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² .
	- Lượn sóng;	- Tổng diện tích lượn sóng: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² .
	- Ổ gà (Sâu ≥ 5 cm).	- Tổng diện tích ổ gà: chiếm 0,05% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 50 m ² .
4	Mặt đường bị chảy nhựa	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCCS 07:2013/ TCĐBVN gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) và có tổng diện tích chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ²
5	Mặt đường bị hư hỏng các dạng khác: - Vết cắt vá; - Bong bật và bong tróc; - Nứt vỡ mép mặt đường.	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCCS 07:2013/TCĐBVN gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) có khối lượng hư hỏng thuộc một trong các trường hợp sau: - 10 vết nhưng không có ổ gà, trời lún. - Tổng diện tích bong bật và bong tróc: chiếm 0,3% tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 300 m ² . - Tổng chiều dài nứt vỡ mép ≥ 200 m ² hoặc ≥ 500 m.
II Đối với mặt đường Bê tông xi măng (BTXM)		
1	Mặt đường bị hư hỏng cục bộ: rộp vỡ bề mặt; nứt vỡ góc tấm, nứt chia tấm, nứt om tấm; nứt rạn, bong mặt đường	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCCS 07:2013/ TCĐBVN gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) và có tổng số tấm hư hỏng ≥ 30 tấm hoặc ≥ 10% tổng diện tích phần đường BTXM.
2	Chênh cao độ giữa các tấm do lún (nền yếu, do xói lở vật liệu, hay do uốn vòng tấm); chênh cao giữa tấm bê tông	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCCS 07:2013/ TCĐBVN gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) và chiều dài chênh cao ≥ 100 m.

TT	Hạng mục công việc vi phạm chất lượng	Mức độ vi phạm chất lượng bảo trì phải tạm dừng thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ
	mặt đường và lề đường	
3	Hư hỏng khe nối, bong vỡ vật liệu khe nối; vết nứt thẳng, vết nứt vỡ	Để xảy ra hư hỏng mức độ nặng (mức H theo TCCS 07:2013/ TCĐBVN gây ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến) và tổng chiều dài khe hư hỏng ≥ 100 m.
III	Đối với các công trình phụ trợ khác	
1	Sơn kẻ trên mặt đường	Các chỉ tiêu kỹ thuật của vạch sơn theo Bảng 4 và Bảng 5 TCVN 8791:2018 nhỏ hơn 70%.
2	Đối với cầu	Cầu hư hỏng, xuống cấp xuất hiện nguy cơ sự cố công trình dẫn đến mất an toàn, nguy cơ sập đổ.
3	Hệ thống thoát nước mặt đường, cống, rãnh	Để đọng nước lớn hơn 1/3 chiều rộng mặt đường trên mặt đường, tắc rãnh thoát nước quá 24 giờ mà không thực hiện các biện pháp thoát nước.
4	Công tác phát quang cây cối, cắt cỏ	Cây cối che khuất tầm nhìn ảnh hưởng đến an toàn giao thông, cỏ mọc cao quá quy định tại TCCS 07:2013/TCĐBVN với tổng chiều dài vi phạm: chiếm 3% tổng chiều dài và tối đa không quá 300 m.
5	Hệ thống biển báo, cọc tiêu, hộ lan	$\geq 10\%$ tổng số biển báo hoặc 5% biển cấm bị mờ không đảm bảo QCVN 41:2019, không đảm bảo tầm quan sát biển báo; màn phản quang chưa đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 7887:2018; $\geq 20\%$ cọc tiêu, hộ lan bị hư hỏng mất tác dụng hoặc trên 20% sơn kẻ trên đường mờ không còn tác dụng.
6	Lề đường	Chênh cao với mặt đường ≥ 50 mm với chiều dài ≥ 500 m hoặc chênh cao với mặt đường ≥ 100 mm với chiều dài ≥ 300 m.
B	Đường cao tốc	
1	Mặt đường bị hằn lún vết bánh xe	a) Tuyến đường có từ 5% chiều dài tuyến đường trở lên có vết hằn lún, trong đó vị trí lún sâu $\geq 2,5$ cm có chiều dài ≥ 150 md. b) Tuyến đường có tổng chiều dài các vết lún sâu hơn $\geq 2,5$ cm lớn hơn 500 m.

TT	Hạng mục công việc vi phạm chất lượng	Mức độ vi phạm chất lượng bảo trì phải tạm dừng thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ
		c) Tuyến đường có tổng chiều dài các vệt lún sâu hơn ≥ 5 cm trên 100 m.
2	Mặt đường bị hư hỏng cục bộ: ổ gà, sinh lún gây mất an toàn	Để xảy ra hư hỏng chiếm 0,01 % tổng diện tích mặt đường và tối đa không quá 30 m ² mà không khắc phục trong 24 giờ (trừ khi mưa bão) theo yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng và thời gian thực hiện tại TCCS 17:2016/TCĐBVN và quy định liên quan khác.
3	Sơn kẻ trên mặt đường	a) Các yêu cầu kỹ thuật của vạch sơn theo Bảng 4 và Bảng 5 TCVN 8791:2018 nhỏ hơn 70% đối với các chỉ tiêu: Màu sắc, độ phát sáng, độ dính bám. b) Hoặc vi phạm Mục III Phần A.
4	Đối với cầu	Cầu hư hỏng, xuống cấp xuất hiện nguy cơ sự cố công trình dẫn đến mất an toàn.
5	Hệ thống thoát nước mặt đường, cống, rãnh	Để đọng nước lớn hơn 1/3 chiều rộng mặt đường trên mặt đường, tắc cống, rãnh thoát nước quá 24 giờ.
6	Công tác phát quang cây cối, cắt cỏ	Cây che khuất tầm nhìn ảnh hưởng đến an toàn giao thông, cỏ mọc cao quá quy định tại TCCS 17:2016/TCĐBVN có chiều dài 150m.
7	Hệ thống biển báo, cọc tiêu, hộ lan, đỉnh phản quang	$\geq 3\%$ biển báo không đảm bảo QCVN 41:2019 không đảm bảo tầm quan sát biển báo; màng phản quang chưa đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 7887:2018; $\geq 3\%$ cọc tiêu, hộ lan, đỉnh phản quang bị hư hỏng mất tác dụng.
8	Lề đường	Lề đường không đảm bảo kích thước hình học (sạt, xói lở $\geq 1/2$ chiều rộng lề đường, sinh lún, nhô cao hơn mép mặt đường $h \geq 10$ cm)
9	Các trường hợp khác	Vi phạm bằng hoặc lớn hơn mức quy định tại Mục A Phụ lục này.